

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 59/2023/HS-PT

Ngày: 29-8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Văn Tuấn**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Trí Chinh** và ông **Nguyễn Nhật Duật**.

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Thành Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo **Nguyễn Thanh N**, do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thanh N** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh N**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 27/5/1982 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: **xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông **Nguyễn Văn H** và bà **Trần Thị H1**; có chồng là **Lê Quý Đ** và có 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo đầu thú ngày 16/11/2022 và bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 17/11/2022, tạm giam từ ngày 26/11/2022, đến ngày 08/02/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

- *Bị hại:*

+ Bà **Bùi Thị C**, sinh năm 1959; nơi thường trú: **Tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.

+ Chị **Đồng Thị N1**, sinh năm 1981; nơi thường trú: **Tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2022, Nguyễn Thanh N cùng gia đình đến thuê nhà trọ của nhà bà Bùi Thị C, sinh năm 1959, trú tại tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng cuối tháng 6/2022, N gặp con gái bà C là chị Đồng Thị N1, sinh năm 1981, trú tại tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H thì được biết chị N1 đang có nhu cầu làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 25.1, tờ bản đồ địa chính số 192 thuộc tổ I, khu Đ, phường H của gia đình chị. Lúc này, N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị N1 nên đã tự giới thiệu mình có quen biết nhiều lãnh đạo và có thể làm GCNQSDĐ. Chị N1 thấy vậy đã tin tưởng và nhờ N làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên, thì N đồng ý và báo giá số tiền làm giấy chứng nhận là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Chị N1 đồng ý để N làm thủ tục và đưa trước cho N 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) tiền mặt tại nhà bà C.

Đến ngày 05/7/2022, bà C cũng nhờ N làm giúp GCNQSDĐ với diện tích 200m² trong thửa đất số 7, tờ bản đồ địa chính số 201 thuộc tổ I, khu Đ, phường H, thì N nhận làm với số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Bà C đồng ý với số tiền N yêu cầu. Cùng ngày, tại phòng khách nhà bà C, bà C đã chuyển cho N số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để N làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà C, trong đó bà C đưa tiền mặt 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và nhờ con dâu là chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1982, ở cùng với bà C chuyển khoản số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến số tài khoản 39010009796789 của Nguyễn Thanh N, mở tại ngân hàng N2 (tên viết tắt là B). Sau khi nhận tiền, N hứa hẹn đến ngày 05/9/2022 sẽ làm xong GCNQSDĐ cho bà C thì bà C phải chuyển nốt số tiền còn lại cho N. Đến ngày 08/8/2022, bà C chuyển tiếp cho N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trong đó đưa tiền mặt cho N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và nhờ con trai là anh Đồng Xuân S, sinh năm 1989 ở cùng với bà C, chuyển khoản số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) đến tài khoản số 39010009796789 Ngân hàng B của N. Tổng số tiền chị N1 và bà C đã chuyển cho N là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng). Khi chị N1 và bà C giao tiền cho N tại nhà bà C có viết giấy biên nhận, trong đó, N hứa hẹn 02 tháng sẽ có GCNQSDĐ và chị N1, bà C có nghĩa vụ chuyển hết tiền còn lại cho N. Sau khi nhận tiền, N không liên hệ với ai để làm GCNQSDĐ cho chị N1 và bà C mà đã sử dụng toàn bộ số tiền vào việc chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 03/11/2022, N đã bỏ về thành phố T, tỉnh Thái Nguyên sinh sống và cắt liên lạc với chị N1 và bà C.

Ngày 15/11/2022, bà Bùi Thị C và chị Đồng Thị N1 đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc Nguyễn Thanh N thông qua việc nhận làm GCNQSDĐ đã lừa đảo chiếm đoạt của bà C và chị N1 tổng số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) như nêu trên. Đồng thời tự nguyện giao nộp 02 giấy biên nhận tiền giữa Nguyễn Thanh N với chị N1 và bà C ghi tháng 6/2022 và ngày 05/7/2022.

Ngày 16/11/2022, Nguyễn Thanh N đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Bản Kết luận giám định số: 1977/KL-KTHS ngày 16/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Thanh N” trong 02 “Giấy biên nhận” không đề ngày đề tháng 6/2022 (ký hiệu A01) và ngày 5/7/2022 (ký hiệu A02) so với chữ ký mang tên “Nguyễn Thanh N” trong tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người ký ra.

- Chữ viết trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A01, A02 so với chữ viết trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xác minh thu thập lịch sử giao dịch tại số tài khoản 39010009796789 của Nguyễn Thanh N, mở tại ngân hàng B kết quả phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại chị Đồng Thị N1 có lời khai thể hiện: Khoảng đầu tháng 6/2022, N đến thuê nhà trọ của bà Bùi Thị C là mẹ đẻ chị N1. N giới thiệu có nhiều mối quan hệ làm được GCNQSDĐ. Chị N1 và bà C đang có nhu cầu làm GCNQSDĐ đối với thửa đất đang ở nên đã tin tưởng N và nhờ làm giúp. Đến khoảng cuối tháng 6/2022, N nhận làm GCNQSDĐ đối với thửa đất số 25.1, tờ bản đồ số 192 tại tổ I, khu Đ, phường H của chị N1, chi phí hết 230.000.000đ, chị N1 đã chuyển trước cho N 130.000.000đ tiền mặt và hẹn 2 tháng sau làm xong giấy tờ sẽ chuyển nốt số tiền còn lại. Đến hẹn nhưng N vẫn không làm được GCNQSDĐ cho chị N1, mặc dù chị N1 đã hỏi rất nhiều lần nhưng N toàn thất hứa. Đến ngày 03/11/2022, N đã bỏ đi khỏi nhà trọ và cắt liên lạc với gia đình chị N1.

Bị hại bà Bùi Thị C có lời khai thể hiện: Ngày 05/7/2022, N nhận làm GCNQSDĐ thửa đất số 7, tờ bản đồ số 201 thuộc tổ I, khu Đ, phường H của bà C với chi phí hết 700.000.000đ, bà C đã đưa trước cho N 200.000.000đ, trong đó bà C đưa tiền mặt 100.000.000đ và nhờ chị Phạm Thị Kim P, là con dâu của bà C, chuyển khoản 100.000.000đ vào số tài khoản 39010009796789 của N. Ngày 08/8/2022, bà C chuyển tiếp cho N số tiền 100.000.000đ, trong đó bà C đưa tiền mặt 20.000.000đ và nhờ con đẻ là anh Đồng Xuân S chuyển khoản 80.000.000đ đến số tài khoản 39010009796789 của Nga. Khi N nhận làm GCNQSDĐ cho bà C đều viết giấy biên nhận tại nhà bà C, có sự chứng kiến của các con bà C là anh L và anh S. Nhưng đến hạn, N chưa làm xong GCNQSDĐ và nói đang đợi chờ kết quả. Thời gian tiếp đó, N vẫn không làm được GCNQSDĐ cho chị N1 và bà C. Đến ngày 03/11/2022, N đã bỏ đi không thuê trọ nữa để trốn tránh gia đình nhà bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân V có lời khai thể hiện: anh là bạn thân của bị cáo Nguyễn Thanh N, anh không biết việc N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 430.000.000đ của chị N1 và bà C. Quá trình điều tra, do có quan hệ là bạn thân lâu năm nên anh V đã nhận lời nhờ của bị cáo N, giúp N trả cho bà C số tiền 300.000.000đ, trả cho chị N1 số tiền 130.000.000đ.

Người làm chứng chị Phạm Thị Kim P có lời khai thể hiện: chị chỉ được nghe gia đình kể lại sự việc N lừa đảo nhận làm GCNQSDĐ để chiếm đoạt tổng số tiền 430.000.000đ của bà C và chị N1. Ngày 05/7/2022, khi bà C thỏa thuận và giao tiền cho N thì có nhờ chị chuyển khoản số tiền 100.000.000đ vào số tài khoản 39010009796789 tại Ngân hàng B của N.

Người làm chứng anh **Đồng Xuân L1** và **Đồng Xuân S** khai: anh **L1** và anh **S** là con đẻ của bà **C**. Trong quá trình bị cáo **N** thuê nhà của bà **C** để ở, **N** đã giới thiệu là có mối quan hệ giúp làm được GCNQSDĐ. Khoảng cuối tháng 6/2022, **N** nhận làm GCNQSDĐ đối với thửa đất 25.1, tờ bản đồ 192 của chị **N1** với giá 230.000.000đ, chị **N1** đã đưa trước cho **N** 130.000.000đ. Ngày 05/7/2022, **N** tiếp tục nhận làm GCNQSDĐ đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 201 của bà **C** với giá 700.000.000đ (có sự chứng kiến của anh **L1**, anh **S**). Bà **C** đã đưa trước cho **N** số tiền 300.000.000đ (trong đó, ngoài số tiền mặt đã đưa thì bà **C** có nhờ vợ anh **L1** – chị **P** chuyển khoản 100.000.000đ và nhờ anh **S** chuyển khoản 80.000.000đ vào tài khoản của **N** tại **Ngân hàng B**). **N** viết giấy biên nhận tiền và hứa 02 tháng sau làm xong GCNQSDĐ và bà **C**, chị **N1** sẽ chuyển nốt cho **N** số tiền còn lại. Nhưng đến hạn, **N** vẫn chưa làm xong và đã bỏ đi không thuê trọ ở nhà bà **C** nữa, cắt đứt liên lạc với mọi người.

Người làm chứng chị **Nguyễn Thị Trà M** có lời khai: chị là **T** Chi nhánh **Công ty L2**, **Chi nhánh B1**. Khoảng 15 giờ ngày 31/10/2022, chị có chứng kiến việc chị **N1**, bà **C** và **N** làm bản cam kết, **N** nhận số tiền 430.000.000đ để làm GCNQSDĐ đối với thửa đất của bà **C**, chị **N1**. **N** cam kết đến ngày 10/11/2022 làm xong GCNQSDĐ và bà **C**, chị **N1** sẽ chuyển nốt số tiền còn lại cho **N**. Chị **M** không biết việc **N** lợi dụng lòng tin của chị **N1**, bà **C** để chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Thanh N** khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh N** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; căn cứ: điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định buộc bị cáo **Nguyễn Thanh N** trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; xử lý vật chứng; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Thanh N** làm đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Thanh N** vắng mặt và có đơn đề nghị xử án vắng mặt thể hiện nội dung: bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long kết luận phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là đúng, không oan. Bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội chăm sóc mẹ già và con nhỏ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bị cáo **Nguyễn Thanh N** bị Tòa cấp sơ thẩm xét xử về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là đúng người, đúng tội, mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn**

Thanh N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Do bị cáo **Nguyễn Thanh N** vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và ngày 05/7/2023 bị cáo mới nhận được bản án số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long. Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thanh N** không đề ngày, nhưng có xác nhận công văn đến của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long vào ngày 03/7/2023. Do vậy, đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Việc bị cáo **Nguyễn Thanh N** vắng mặt có đơn xin xử án vắng mặt và các bị hại vắng mặt tại phiên tòa: căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Thanh N** đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 06 và đầu tháng 7/2022, tại **tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**, **Nguyễn Thanh N** đã dùng thủ đoạn gian dối, nhận làm GCNQSDĐ đối với các thửa số 25.1 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 07, tờ bản đồ 201, thuộc **tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H** cho chị **Đông Thị N1** và bà **Bùi Thị C** để chiếm đoạt của chị **N1** số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và của bà **C** số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền **Nguyễn Thanh N** chiếm đoạt là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Thanh N** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thanh N**, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tuyên xử bị cáo **Nguyễn Thanh N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không đưa ra được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

Từ sự phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Thanh N** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thanh N**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 137/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ: điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thanh N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/11/2022 đến ngày 08/02/2023).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo bị cáo **Nguyễn Thanh N** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHAHS, CQCSĐT Công an thành phố Hạ Long;
- VKS, TAND, Chi cục THA DS thành phố Hạ Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

